|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9**  |

**I- MỤC TIÊU**

**1- Kiến thức:** Kiểm tra lại các đơn vị kiến thức đã học về:

**-** Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội của các vùng: vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đông Nam Bộ

- Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo

**2- Năng lực:**

- Năng lực chung: + Tự chủ, tự học

 + Giải quyết vấn đề và sáng tạo

 + Vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực sử dụng số liệu thống kê: Biểu, bảng số liệu…

+ Năng lực sử dụng bản đồ: Tập Atlat Địa Lý Việt Nam

+ Tính toán, tin học, công nghệ, ngôn ngữ…

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục học sinh ý thức chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nghiêm túc trong khi làm bài kiểm tra.

- Yêu nước, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất, yêu thích môn học

**II-MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TN KQ** | **TN KQ** | **TN KQ** | **TN KQ** |  |
| **1** | **Vùng đồng bằng sông Cửu Long** | Đặc điểm tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng |  | 6\* |  |  | 1.5 đ15% |
| **2** | **Vùng Đông Nam Bộ** | Đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, xã hội |  | 6 |  |  | 1.5 đ15% |
| **3** | **Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo** | - Đặc điểm môi trường biển- đảo- Phát triển tổng hợp kinh tế, hậu quả của việc ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo- Thuận lợi và khó khăn của biển đảo  | 16 |  | 8\* | 4 | 7.0 đ70% |
| **Tổng câu** | 16 | 12 | 8 | 4 | 40 |
| **Tổng điểm** | 4.0 đ | 3đ | 2.0 đ | 1đ | 10 đ |
| ***Tỉ lệ*** | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** | ***100%*** |

**III- NỘI DUNG ĐỀ: ( Đính kèm trang sau)**

**IV- HƯỚNG DẪN CHẤM: ( Đính kèm trang sau)**

 **BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| NB | TH | VD  | VDC |
| **1** | **Vùng đồng bằng sông Cửu Long** | Vị trí địa lí của vùngĐặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | **Thông hiểu**- Ý nghĩa của vị trí địa lí.- Hạn chế lớn nhất trong cải tạo.- Nguyên nhân vùng ĐBSCL trở thành vùng sản xuất cây ăn quả lớn.- Nguyên nhân diện tích rừng ở ĐB SCL.- Điểm mạnh để phát triển nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng |   | 6TN |  |  |
| **2** | **Vùng Đông Nam Bộ** | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế | **Thông hiểu**- Loại hình dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất ở Đông Nam Bộ.- Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ.- Các ngành công nghiệp hiện đại ở Đông Nam Bộ.- Đặc điểm dân cư Đông Nam Bộ.- Biện pháp đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp của vùng.- Các tỉnh thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam |  | 6TN |  |  |
| **3** | **Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo** | Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo | **Nhận biết**- Biết được chiều dài đường bờ biển nước ta.- Vị trí một số đảo, bãi biển của nước ta.- Biết được các khoáng sản biển có giá trị.- Số lương các tỉnh, thành phố giáp biển.- Các bộ phận hợp thành vùng biển nước ta.- Vùng thuận lợi sản xuất muối.- Các hoạt động du lịch biển.- Nguồn lợi sinh vật biển- Hệ thống các đảo ven bờ.**Vận dụng****-** Biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường biển nước ta.- Những thuận lợi và khó khăn của vùng biển.- Ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển.- Nguyên nhân đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển- Điều kiện thuận lợi phát triển giao thông vận tải biển.**Vận dụng cao**- Ý nghĩa của việc giữ vững chủ quyền biển đảo.- Nguyên nhân hoạt động vận tải biển phát triển mạnh.- Nhận xét bảng số liệu.- Lựa chọn dạng biểu đồ thích hợp | 16TN |  | 8TN | 4TN |
| **Tổng số câu****Tổng điểm** |  | 16 TN | 12TN |  8TN |  4TN |
| ***Tỉ lệ*** |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9**  |

 Mỗi câu trả lời đúng x 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Mã đề** **Câu** | **Đề dự bị** | **111** | **112** | **113** | **114** |
| **1** | A | C | A | C | D |
| **2** | C | B | D | C | B |
| **3** | C | D | D | B | A |
| **4** | A | A | A | C | B |
| **5** | B | A | B | D | A |
| **6** | B | D | B | A | D |
| **7** | A | C | B | A | B |
| **8** | C | C | A | B | D |
| **9** | D | D | B | D | C |
| **10** | D | A | C | A | D |
| **11** | C | A | D | B | D |
| **12** | B | A | D | A | D |
| **13** | B | D | A | B | C |
| **14** | C | A | C | C | B |
| **15** | D | B | D | C | C |
| **16** | D | C | A | C | B |
| **17** | D | C | D | B | A |
| **18** | C | D | A | C | C |
| **19** | D | B | B | A | B |
| **20** | A | C | B | C | B |
| **21** | B | D | B | D | A |
| **22** | B | C | A | A | D |
| **23** | C | D | B | D | C |
| **24** | A | A | D | A | D |
| **25** | B | A | B | C | D |
| **26** | C | A | C | D | D |
| **27** | B | D | D | B | C |
| **28** | C | A | C | B | B |
| **29** | D | C | D | D | B |
| **30** | D | A | B | A | C |
| **31** | D | B | C | A | D |
| **32** | C | C | A | D | D |
| **33** | D | B | A | B | C |
| **34** | B | C | C | C | A |
| **35** | D | A | D | C | B |
| **36** | A | B | D | B | B |
| **37** | B | D | C | A | A |
| **38** | A | D | A | A | C |
| **39** | B | B | B | B | C |
| **40** | D | C | B | C | A |

**Ban giám hiệu duyệt Tổ nhóm chuyên môn Người ra đề**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** *(Đề gồm 05 trang)***ĐỀ DỰ BỊ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** *Thời gian làm bài: 45 phút* *Ngày kiểm tra: 19/4/2024* |

 **TRẮC NGHIỆM: (10 điểm).** ***HS được sử dụng Atlat Địa lý VN***

**Học sinh chọn phương án trả lời đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm**

***Câu 1.******Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.     | B. xây dựng các cảng nước sâu. |
| C. du lịch biển.        | D. khai thác và chế biến khoáng sản. |

***Câu 2.******Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?***

|  |
| --- |
| A. Địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu. |
| B. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước. |
| C. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc. |
| D. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn. |

***Câu 3. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do:***

|  |
| --- |
| A.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa. |
| B.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào. |
| C. có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.  |
| D. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản. |

***Câu 4. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

|  |
| --- |
| A.Tăng diện tích đất nông nghiệp. |
| B.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng. |
| C. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.  |
| D.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô. |

***Câu 5. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là gì?***

|  |
| --- |
| A.Thị trường tiêu thụ lớn.  |
| B.Diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước. |
| C.Nhiều đầm, phá, vịnh nước nông.  |
| D. Kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản.  |

***Câu 6. Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là:***

|  |
| --- |
| A. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế. |
| B. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai. |
| C. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. |
| D. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản. |

***Câu 7.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Xuất nhập khẩu.  | B.Giao thông, vận tải. |
| C.Du lịch sinh thái.  | D. Bưu chính, viễn thông. |

***Câu 8.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tăng sản lượng gỗ khai thác. | B.Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. |
| C.Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. | D. Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. |

***Câu 9. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành ở Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Dệt may, da giày, gốm sứ.  | B.Chế biến lương thực, cơ khí. |
| C.Dầu khí, phân bón, năng lượng.  | D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao. |

***Câu 10.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Là vùng có dân số đông.  | B.Người dân năng động, sáng tạo. |
| C.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.  | D. Mật độ dân số cao nhất cả nước. |

***Câu 11.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Nâng cao chất lượng lao động.  | B.Tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến. |
| C.Tăng cường công tác thủy lợi.  | D. Hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan. |

***Câu 12. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6       | B. **7** | C. 8       | D. 9 |

***Câu 13. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| 1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| 2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển. |
| 3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô. |
| 4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ. |
| 5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| A. 1, 2, 3, 4. | B. 1, 3, 4, 5. | C. 2, 3, 4, 5. | D. 1, 2, 3, 5. |

***Câu 14. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn nào?***

|  |
| --- |
| A. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khínhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| B. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| C. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của. |
| D. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |

***Câu 15.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| B.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển. |
| C.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển. |
| D. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo. |

***Câu 16.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

|  |
| --- |
| A.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng. |
| B.môi trường biển là không thể chia cắt được. |
| C.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người. |
| D. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp. |

***Câu 17. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là gì?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.  |
| B.Tạo thêm việc làm cho người lao động. |
| C.Nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.  |
| D. Hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. |

***Câu 18.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| A.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ. |
| B.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn. |
| C. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. |
| D. Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.  |

***Câu 19. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎ nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

|  |
| --- |
| A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta. |
| B.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất. |
| C.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới. |
| D.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta. |

***Câu 20. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Ngoại thương phát triển nhanh.  | B.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng. |
| C.Tiếp giáp với đường biển quốc tế.  | D. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng. |

***Câu 21. Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta vì***

|  |
| --- |
| A. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản. |
| B. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước. |
| C. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch. |
| D. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài. |

***Câu 22. Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

|  |
| --- |
| A. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. |
| B. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước. |
| C. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước. |
| D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn. |

***Câu 23.******Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

***Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây* không *đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?***

|  |
| --- |
| A. Tổng sản lượng thủy sản tăng. |
| B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng. |
| C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác. |
| D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. |

***Câu 24.******Cho bảng số liệu***

**Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than và dầu thô của nước ta giai đoạn 1995 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biểu đồ đường.     | B. Biểu đồ tròn.  | C. Biểu đồ miền.       | D. Biểu đồ cột. |

***Câu 25. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2.  | B. 3260km và khoảng 1 triệu km2. |
| C. 3460km và khoảng 2 triệu km2.  | D. 2360km và khoảng 1 triệu km2. |

***Câu 26. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Khánh Hòa.  | C.Đà Nẵng.  | D. Bà Rịa - Vũng Tàu. |

***Câu 27. Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Quảng Ninh.  | C.Hải Phòng.  | D. Khánh Hòa. |

***Câu 28. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.cát trắng.  | B.titan.  | C. dầu khí.  | D. muối. |

***Câu 29. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Cát Bà.  | B.Lý Sơn.  | C.Côn Đảo.  | D. Phú Quốc.  |

***Câu 30. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô.  | B.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn. |
| C.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn.  | D. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. |

***Câu 31.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.25.  | B.26.  | C.27. | D. 28. |

***Câu 32. Vùng lãnh hải thuộc vùng biển nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.10.  | B.11.  | C*.*12.  | D. 13. |

***Câu 33. Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là*:**

|  |
| --- |
| A.Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo. |
| B.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. |
| C.Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| D. Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |

***Câu 34. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Đồng bằng sông Hồng. | B.Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| C.Bắc Trung Bộ. | D. Đồng bằng Sông Cửu Long. |

***Câu 35. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Đà Nẵng.  | B.Quảng Nam.  | C.Quảng Ngãi.  | D. Khánh Hoà. |

***Câu 36. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo từ Bắc vào Nam là:***

|  |
| --- |
| A. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| B. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà. |
| C. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| D. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý. |

***Câu 37. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Titan.  | B.Muối.  | C.Dầu mỏ.  | D.Khí tự nhiên. |

***Câu 38. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Tắm biển.  | B.Lặn biển.  | C.Thể thao trên biển.  | D. Khám phá các đảo. |

***Câu 39. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

|  |
| --- |
| A.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.  |
| B.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài. |
| C.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.  |
| D. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới. |

***Câu 40. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào?***

|  |
| --- |
| A. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau. |
| B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng. |
| C. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu. |
| D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang |

 ***---Chúc các con làm bài tốt!---***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG****MÃ ĐỀ 111** *(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** *Thời gian làm bài: 45 phút* *Ngày kiểm tra: 19 /4/2024* |

**TRẮC NGHIỆM: (10 điểm).** ***HS được sử dụng Atlat Địa lý VN***

**Học sinh chọn phương án trả lời đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm**

***Câu 1. Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là:***

|  |
| --- |
| A. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế. |
| B. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. |
| C. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai. |
| D. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản. |

***Câu 2.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Giao thông, vận tải. | B. Xuất nhập khẩu.  |
| C.Du lịch sinh thái.  | D. Bưu chính, viễn thông. |

***Câu 3.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tăng sản lượng gỗ khai thác. | B.Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. |
| C. Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. | D.Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. |

***Câu 4. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành ở Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.  | B.Chế biến lương thực, cơ khí. |
| C.Dầu khí, phân bón, năng lượng.  | D.Dệt may, da giày, gốm sứ.  |

***Câu 5.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mật độ dân số cao nhất cả nước.  | B.Người dân năng động, sáng tạo. |
| C.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.  | D.Là vùng có dân số đông.  |

***Câu 6.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?***

|  |
| --- |
| A.Nâng cao chất lượng lao động.  |
| B.Tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến. |
| C. Hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan. |
| D.Tăng cường công tác thủy lợi.  |

***Câu 7. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6.       | B. 8.       | C. **7.** | D. 9 |

***Câu 8. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| 1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| 2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển. |
| 3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô. |
| 4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ. |
| 5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| A. 1, 2, 3, 4. | B. 2, 3, 4, 5. | C. 1, 3, 4, 5. | D. 1, 2, 3, 5. |

***Câu 9. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn nào?***

|  |
| --- |
| A. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khínhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| B. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| C. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |
| D. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của. |

***Câu 10.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

|  |
| --- |
| A. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| B.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển. |
| C.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển. |
| D.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. |

***Câu 11.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

|  |
| --- |
| A. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp. |
| B.môi trường biển là không thể chia cắt được. |
| C.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người. |
| D.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng. |

***Câu 12. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là gì?***

|  |
| --- |
| A. Hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. |
| B.Tạo thêm việc làm cho người lao động. |
| C.Nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.  |
| D.Khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.  |

***Câu 13.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| A.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ. |
| B.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn. |
| C. Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.  |
| D. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. |

***Câu 14. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎ nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

|  |
| --- |
| A.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta. |
| B.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất. |
| C.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới. |
| D. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta. |

***Câu 15. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng.  | B.Ngoại thương phát triển nhanh.  |
| C.Tiếp giáp với đường biển quốc tế.  | D. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng. |

***Câu 16. Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta vì***

|  |
| --- |
| A. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản. |
| B. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch. |
| C. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước. |
| D. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài. |

***Câu 17. Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

|  |
| --- |
| A. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. |
| B. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước. |
| C. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước. |
| D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn. |

***Câu 18.******Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

***Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây* không *đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?***

|  |
| --- |
| A. Tổng sản lượng thủy sản tăng. |
| B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng. |
| C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. |
| D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác. |

***Câu 19.******Cho bảng số liệu***

***Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than và dầu thô của nước ta giai đoạn 1995 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biểu đồ tròn.  | B. Biểu đồ đường.      | C. Biểu đồ miền.       | D. Biểu đồ cột. |

***Câu 20. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2.  | B. 3460km và khoảng 2 triệu km2.  |
| C. 3260km và khoảng 1 triệu km2.  | D. 2360km và khoảng 1 triệu km2. |

***Câu 21. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Khánh Hòa.  | C. Bà Rịa - Vũng Tàu. | D.Đà Nẵng.  |

***Câu 22. Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Hải Phòng.  | C.Quảng Ninh.  | D. Khánh Hòa. |

***Câu 23. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.cát trắng.  | B.titan.  | C. muối. | D. dầu khí.  |

***Câu 24. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Phú Quốc.  | B.Lý Sơn.  | C.Côn Đảo.  | D.Cát Bà.  |

***Câu 25. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  | B.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn. |
| C.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn.  | D.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô.  |

***Câu 26.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 28.  | B.26.  | C.27. | D.25.  |

***Câu 27. Vùng lãnh hải thuộc vùng biển nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.10.  | B.11.  | C. 13. | D*.*12.  |

***Câu 28. Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là*:**

|  |
| --- |
| A. Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| B.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. |
| C.Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| D.Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo. |

***Câu 29. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Đồng bằng sông Hồng. | B.Bắc Trung Bộ. |
| C.Duyên hải Nam Trung Bộ. | D. Đồng bằng Sông Cửu Long. |

***Câu 30. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Khánh Hoà.  | B.Quảng Nam.  | C.Quảng Ngãi.  | D.Đà Nẵng.  |

***Câu 31. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo từ Bắc vào Nam là:***

|  |
| --- |
| A. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà. |
| B. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| C. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| D. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý. |

***Câu 32. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Titan.  | B.Dầu mỏ.  | C.Muối.  | D.Khí tự nhiên. |

***Câu 33. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Lặn biển.  | B.Tắm biển.  | C.Thể thao trên biển.  | D. Khám phá các đảo. |

***Câu 34. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

|  |
| --- |
| A.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.  |
| B.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.  |
| C.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.  |
| D. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới. |

***Câu 35. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào?***

|  |
| --- |
| A. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.  |
| B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng. |
| C. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu. |
| D. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau. |

***Câu 36.******Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. xây dựng các cảng nước sâu. | B. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.     |
| C. du lịch biển.        | D. khai thác và chế biến khoáng sản. |

***Câu 37.******Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long***

***là gì?***

|  |
| --- |
| A. Địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu. |
| B. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước. |
| C. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn. |
| D. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc. |

***Câu 38. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do:***

|  |
| --- |
| A.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa. |
| B.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào. |
| C. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản. |
| D. có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.  |

***Câu 39. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

|  |
| --- |
| A.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng. |
| B.Tăng diện tích đất nông nghiệp. |
| C. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.  |
| D.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô. |

***Câu 40. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là gì?***

|  |
| --- |
| A.Thị trường tiêu thụ lớn.  |
| B.Nhiều đầm, phá, vịnh nước nông.  |
| C.Diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.  |
| D. Kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản.  |

 ***---Chúc các con làm bài tốt!---***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG****MÃ ĐỀ 112** *(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** *Thời gian làm bài: 45 phút* *Ngày kiểm tra: 19 /4/2024* |

**TRẮC NGHIỆM: (10 điểm).** ***HS được sử dụng Atlat Địa lý VN***

**Học sinh chọn phương án trả lời đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm**

***Câu 1.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tăng cường công tác thủy lợi.  | B.Tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến. |
| C.Nâng cao chất lượng lao động.  | D. Hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan. |

***Câu 2. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6.       | B. 9. | C. 8.       | D. **7**. |

***Câu 3. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| 1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| 2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển. |
| 3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô. |
| 4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ. |
| 5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| A. 1, 2, 3, 4. | B. 1, 2, 3, 5. | C. 2, 3, 4, 5. | D. 1, 3, 4, 5. |

***Câu 4. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn nào?***

|  |
| --- |
| A. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của.  |
| B. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| C. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khínhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| D. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |

***Câu 5.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| B. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| C.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển. |
| D.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển. |

***Câu 6.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

|  |
| --- |
| A.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng. |
| B. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp. |
| C.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người. |
| D.môi trường biển là không thể chia cắt được. |

***Câu 7. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là gì?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.  |
| B. Hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. |
| C.Nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.  |
| D.Tạo thêm việc làm cho người lao động. |

***Câu 8.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. |
| B.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn. |
| C.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ. |
| D. Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.  |

***Câu 9. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎ nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

|  |
| --- |
| A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta. |
| B.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta. |
| C.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới. |
| D.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất. |

***Câu 10. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tiếp giáp với đường biển quốc tế.  | B.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng. |
| C.Ngoại thương phát triển nhanh  | D. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng. |

***Câu 11. Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta vì***

|  |
| --- |
| A. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản. |
| B. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài. |
| C. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch. |
| D. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước. |

***Câu 12. Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

|  |
| --- |
| A. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. |
| B. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn. |
| C. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước. |
| D. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước. |

***Câu 13.******Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

***Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây* không *đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?***

|  |
| --- |
| A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác. |
| B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng. |
| C. Tổng sản lượng thủy sản tăng. |
| D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. |

***Câu 14.******Cho bảng số liệu***

***Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than và dầu thô của nước ta giai đoạn 1995 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biểu đồ miền.       | B. Biểu đồ tròn.  | C. Biểu đồ đường.     | D. Biểu đồ cột. |

***Câu 15. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2.  | B. 2360km và khoảng 1 triệu km2. |
| C. 3460km và khoảng 2 triệu km2.  | D. 3260km và khoảng 1 triệu km2. |

***Câu 16. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Đà Nẵng.  | B.Khánh Hòa.  | C.Kiên Giang.  | D. Bà Rịa - Vũng Tàu. |

***Câu 17. Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B. Khánh Hòa. | C.Hải Phòng.  | D.Quảng Ninh.  |

***Câu 18. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| D. dầu khí.  | B.titan.  | C.cát trắng.  | D. muối. |

***Câu 19. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Cát Bà.  | B. Phú Quốc.  | C.Côn Đảo.  | D.Lý Sơn.  |

***Câu 20. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô.  | B. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. |
| C.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn.  | D.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn. |

***Câu 21.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.25.  | B. 28.  | C.27. | D.26.  |

***Câu 22. Vùng lãnh hải thuộc vùng biển nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A*.*12.  | B.11.  | C.10. | D. 13. |

***Câu 23. Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là*:**

|  |
| --- |
| A.Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo. |
| B. Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| C.Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| D.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. |

***Câu 24. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Đồng bằng sông Hồng. | B. Đồng bằng Sông Cửu Long. |
| C.Bắc Trung Bộ. | D.Duyên hải Nam Trung Bộ. |

***Câu 25. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Đà Nẵng.  | B. Khánh Hoà.  | C.Quảng Ngãi.  | D.Quảng Nam.  |

***Câu 26. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo từ Bắc vào Nam là:***

|  |
| --- |
| A. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| B. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà. |
| C. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| D. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý. |

***Câu 27. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Titan.  | B.Khí tự nhiên. | C.Dầu mỏ.  | D.Muối.  |

***Câu 28. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Thể thao trên biển. | B.Lặn biển.  | C.Tắm biển.  | D. Khám phá các đảo. |

***Câu 29. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

|  |
| --- |
| A.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.  |
| B. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới. |
| C.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.  |
| D.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài. |

***Câu 30. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào?***

|  |
| --- |
| A. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau. |
| B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.  |
| C. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu. |
| D. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng. |

***Câu 31.******Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. du lịch biển.        | B. xây dựng các cảng nước sâu. |
| C. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.     | D. khai thác và chế biến khoáng sản. |

***Câu 32.******Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?***

|  |
| --- |
| A. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc. |
| B. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước. |
| C. Địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu. |
| D. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn. |

***Câu 33. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do:***

|  |
| --- |
| A. có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.  |
| B.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào. |
| C.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa. |
| D. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản. |

***Câu 34. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

|  |
| --- |
| A. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.  |
| B.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng. |
| C.Tăng diện tích đất nông nghiệp.  |
| D.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô. |

***Câu 35. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là gì?***

|  |
| --- |
| A.Thị trường tiêu thụ lớn.  |
| B. Kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản. |
| C.Nhiều đầm, phá, vịnh nước nông.  |
| D.Diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.  |

***Câu 36. Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là:***

|  |
| --- |
| A. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế. |
| B. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản. |
| C. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. |
| D. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai. |

***Câu 37.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Du lịch sinh thái.  | B.Giao thông, vận tải. |
| C. Xuất nhập khẩu.  | D. Bưu chính, viễn thông. |

***Câu 38.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. | B.Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. |
| C.Tăng sản lượng gỗ khai thác. | D. Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. |

***Câu 39. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành ở Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Dệt may, da giày, gốm sứ.  | B. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao. |
| C.Dầu khí, phân bón, năng lượng.  | D.Chế biến lương thực, cơ khí. |

***Câu 40.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Là vùng có dân số đông.  | B. Mật độ dân số cao nhất cả nước. |
| C.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.  | D.Người dân năng động, sáng tạo. |

 ***---Chúc các con làm bài tốt!---***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG****MÃ ĐỀ 113** *(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** *Thời gian làm bài: 45 phút* *Ngày kiểm tra: 19 /4/2024* |

 **TRẮC NGHIỆM: (10 điểm).** ***HS được sử dụng Atlat Địa lý VN***

**Học sinh chọn phương án trả lời đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm**

***Câu 1.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

|  |
| --- |
| A.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng. |
| B.môi trường biển là không thể chia cắt được. |
| C. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp. |
| D.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người. |

***Câu 2. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là gì?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.  |
| B.Tạo thêm việc làm cho người lao động. |
| C. Hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. |
| D.Nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.  |

***Câu 3.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| A.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ. |
| B. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. |
| C.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn. |
| D. Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.  |

***Câu 4. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎ nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

|  |
| --- |
| A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta. |
| B.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất. |
| C.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta. |
| D.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới. |

***Câu 5. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng. | B.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng. |
| C.Tiếp giáp với đường biển quốc tế.  | D.Ngoại thương phát triển nhanh.  |

***Câu 6. Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta vì***

|  |
| --- |
| A. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước. |
| B. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản. |
| C. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch. |
| D. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài. |

***Câu 7. Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

|  |
| --- |
| A. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước. |
| B. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. |
| C. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước. |
| D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn. |

***Câu 8.******Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

***Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây* không *đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?***

|  |
| --- |
| A. Tổng sản lượng thủy sản tăng. |
| B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác. |
| C. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng. |
| D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. |

***Câu 9.******Cho bảng số liệu***

***Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than và dầu thô của nước ta giai đoạn 1995 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A. Biểu đồ cột. | B. Biểu đồ tròn.  | C. Biểu đồ miền.       | D. Biểu đồ đường.    |

***Câu 10. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3260km và khoảng 1 triệu km2.  | B. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2.  |
| C. 3460km và khoảng 2 triệu km2.  | D. 2360km và khoảng 1 triệu km2. |

***Câu 11. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Đà Nẵng.  | C.Khánh Hòa.  | D. Bà Rịa - Vũng Tàu. |

***Câu 12. Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Quảng Ninh.  | B.Kiên Giang.  | C.Hải Phòng.  | D. Khánh Hòa. |

***Câu 13. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.cát trắng.  | B. dầu khí.  | C.titan.  | D. muối. |

***Câu 14. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Cát Bà.  | B.Lý Sơn.  | C. Phú Quốc.  | D.Côn Đảo.  |

***Câu 15. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô.  | B.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn. |
| C. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  | D.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn.  |

***Câu 16.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.25.  | B.26.  | C. 28. | D.27. |

***Câu 17. Vùng lãnh hải thuộc vùng biển nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.10.  | *B.*12  | C.11.  | D. 13. |

***Câu 18. Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là*:**

|  |
| --- |
| A.Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo. |
| B.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. |
| C. Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| D.Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |

***Câu 19. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Duyên hải Nam Trung Bộ. | B.Đồng bằng sông Hồng. |
| C.Bắc Trung Bộ. | D. Đồng bằng Sông Cửu Long. |

***Câu 20. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Đà Nẵng.  | B.Quảng Nam.  | C. Khánh Hoà.  | D.Quảng Ngãi.  |

***Câu 21. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo từ Bắc vào Nam là:***

|  |
| --- |
| A. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý. |
| B. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà. |
| C. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| D. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |

***Câu 22. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Muối  | B.Titan.  | C.Dầu mỏ.  | D.Khí tự nhiên. |

***Câu 23. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Khám phá các đảo. | B.Lặn biển.  | C.Thể thao trên biển.  | D.Tắm biển.  |

***Câu 24. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

|  |
| --- |
| A.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.  |
| B.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.  |
| C.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.  |
| D. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới. |

***Câu 25. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào?***

|  |
| --- |
| A. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau. |
| B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng. |
| C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang. |
| D. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu. |

***Câu 26.******Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. khai thác và chế biến khoáng sản. | B. xây dựng các cảng nước sâu. |
| C. du lịch biển.        | D. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.     |

***Câu 27.******Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?***

|  |
| --- |
| A. Địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu. |
| B. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc. |
| C. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước. |
| D. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn. |

***Câu 28. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do:***

|  |
| --- |
| A.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa. |
| D. có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.  |
| C.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào. |
| D. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản. |

***Câu 29. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

|  |
| --- |
| A.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô. |
| B.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng. |
| C. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.  |
| D.Tăng diện tích đất nông nghiệp. |

***Câu 30. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là gì?***

|  |
| --- |
| A.Diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.  |
| B.Thị trường tiêu thụ lớn.  |
| C.Nhiều đầm, phá, vịnh nước nông.  |
| D. Kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản.  |

***Câu 31. Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là:***

|  |
| --- |
| A. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai. |
| B. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế. |
| C. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. |
| D. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản. |

***Câu 32.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bưu chính, viễn thông. | B.Giao thông, vận tải. |
| C.Du lịch sinh thái.  | D. Xuất nhập khẩu.  |

***Câu 33.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tăng sản lượng gỗ khai thác. | B.Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. |
| C.Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. | D. Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. |

***Câu 34. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành ở Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Dệt may, da giày, gốm sứ.  | B.Chế biến lương thực, cơ khí. |
| C. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.  | D.Dầu khí, phân bón, năng lượng.  |

***Câu 35.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Là vùng có dân số đông.  | B.Người dân năng động, sáng tạo. |
| C. Mật độ dân số cao nhất cả nước.  | D.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.  |

***Câu 36.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?***

|  |
| --- |
| A.Nâng cao chất lượng lao động.  |
| B.Tăng cường công tác thủy lợi.  |
| C.Tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến. |
| D. Hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan. |

***Câu 37. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. **7**. | B. 6.       | C. 8.      | D. 9. |

***Câu 38. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| 1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| 2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển. |
| 3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô. |
| 4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ. |
| 5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| A. 1, 3, 4, 5. | B. 1, 2, 3, 4. | C. 2, 3, 4, 5. | D. 1, 2, 3, 5. |

***Câu 39. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn nào?***

|  |
| --- |
| A. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khínhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| B. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của. |
| C. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| D. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |

***Câu 40.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| B.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển. |
| C. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| D.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển. |

 ***---Chúc các con làm bài tốt!---***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG****MÃ ĐỀ 114** *(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** *Thời gian làm bài: 45 phút* *Ngày kiểm tra: 19 /4/2024* |

**TRẮC NGHIỆM: (10 điểm).** ***HS được sử dụng Atlat Địa lý VN***

**Học sinh chọn phương án trả lời đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm**

***Câu 1. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào?***

|  |
| --- |
| A. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau. |
| B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng. |
| C. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu. |
| D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang |

***Câu 2. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

|  |
| --- |
| A.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.  |
| B.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài. |
| C.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.  |
| D. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới. |

***Câu 3. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Tắm biển.  | B.Lặn biển.  | C.Thể thao trên biển.  | D. Khám phá các đảo. |

***Câu 4. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Titan.  | B.Muối.  | C.Dầu mỏ.  | D.Khí tự nhiên. |

***Câu 5. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo từ Bắc vào Nam là:***

|  |
| --- |
| A. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| B. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà. |
| C. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo. |
| D. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý. |

***Câu 6. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Đà Nẵng.  | B.Quảng Nam.  | C.Quảng Ngãi.  | D. Khánh Hoà. |

***Câu 7. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Đồng bằng sông Hồng. | B.Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| C.Bắc Trung Bộ. | D. Đồng bằng Sông Cửu Long. |

***Câu 8. Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là*:**

|  |
| --- |
| A.Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo. |
| B.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. |
| C.Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |
| D. Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. |

***Câu 9. Vùng lãnh hải thuộc vùng biển nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.10.  | B.11.  | C*.*12.  | D. 13. |

***Câu 10.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.25.  | B.26.  | C.27. | D. 28. |

***Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô.  | B.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn. |
| C.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn.  | D. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. |

***Câu 12. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Cát Bà.  | B.Lý Sơn.  | C.Côn Đảo.  | D. Phú Quốc.  |

***Câu 13. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cát trắng.  | B. Titan.  | C. Dầu khí.  | D. Muối. |

***Câu 14. Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Quảng Ninh.  | C.Hải Phòng.  | D. Khánh Hòa. |

***Câu 15. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.Kiên Giang.  | B.Khánh Hòa.  | C.Đà Nẵng.  | D. Bà Rịa - Vũng Tàu. |

***Câu 16. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2.  | B. 3260km và khoảng 1 triệu km2. |
| C. 3460km và khoảng 2 triệu km2.  | D. 2360km và khoảng 1 triệu km2. |

***Câu 17.******Cho bảng số liệu***

***Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than và dầu thô của nước ta giai đoạn 1995 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biểu đồ đường.     | B. Biểu đồ tròn.  | C. Biểu đồ miền.       | D. Biểu đồ cột. |

***Câu 18.******Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

***Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây* không *đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?***

|  |
| --- |
| A. Tổng sản lượng thủy sản tăng. |
| B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng. |
| C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác. |
| D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. |

***Câu 19. Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

|  |
| --- |
| A. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. |
| B. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước. |
| C. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước. |
| D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn. |

***Câu 20. Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta vì***

|  |
| --- |
| A. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản. |
| B. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước. |
| C. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch. |
| D. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài. |

***Câu 21. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Ngoại thương phát triển nhanh.  | B.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng. |
| C.Tiếp giáp với đường biển quốc tế.  | D. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng. |

***Câu 22. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎ nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

|  |
| --- |
| A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta. |
| B.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất. |
| C.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới. |
| D.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta. |

***Câu 23.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| A.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ. |
| B.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn. |
| C. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. |

***Câu 24. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là gì?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.  |
| B.Tạo thêm việc làm cho người lao động. |
| C.Nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.  |
| D. Hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. |

***Câu 25.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

|  |
| --- |
| A.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng. |
| B.môi trường biển là không thể chia cắt được. |
| C.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người. |
| D. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp. |

***Câu 26.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

|  |
| --- |
| A.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. |
| B.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển. |
| C.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển. |
| D. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo. |

***Câu 27. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn nào?***

|  |
| --- |
| A. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khínhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| B. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| C. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của. |
| D. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |

***Câu 28. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

|  |
| --- |
| 1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| 2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển. |
| 3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô. |
| 4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ. |
| 5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. |
| A. 1, 2, 3, 4. | B. 1, 3, 4, 5. | C. 2, 3, 4, 5. | D. 1, 2, 3, 5. |

***Câu 29. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6       | B. **7** | C. 8       | D. 9 |

***Câu 30.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Nâng cao chất lượng lao động.  | B.Tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến. |
| C.Tăng cường công tác thủy lợi.  | D. Hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan. |

***Câu 31.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Là vùng có dân số đông.  | B.Người dân năng động, sáng tạo. |
| C.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.  | D. Mật độ dân số cao nhất cả nước. |

***Câu 32. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành ở Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Dệt may, da giày, gốm sứ.  | B.Chế biến lương thực, cơ khí. |
| C.Dầu khí, phân bón, năng lượng.  | D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao. |

***Câu 33.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| A.Tăng sản lượng gỗ khai thác. | B.Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. |
| C.Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. | D. Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. |

***Câu 34.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Xuất nhập khẩu.  | B.Giao thông, vận tải. |
| C.Du lịch sinh thái.  | D. Bưu chính, viễn thông. |

***Câu 35. Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là:***

|  |
| --- |
| A. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế. |
| B. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai. |
| C. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. |
| D. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản. |

***Câu 36. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là gì?***

|  |
| --- |
| A.Thị trường tiêu thụ lớn.  |
| B.Diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước. |
| C.Nhiều đầm, phá, vịnh nước nông.  |
| D. Kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản.  |

***Câu 37. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

|  |
| --- |
| A.Tăng diện tích đất nông nghiệp. |
| B.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng. |
| C. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.  |
| D.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô. |

***Câu 38. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do:***

|  |
| --- |
| A.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa. |
| B.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào. |
| C. có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.  |
| D. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản. |

***Câu 39.******Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?***

|  |
| --- |
| A. Địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu. |
| B. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước. |
| C. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc. |
| D. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn. |

***Câu 40.******Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.     | B. xây dựng các cảng nước sâu. |
| C. du lịch biển.        | D. khai thác và chế biến khoáng sản. |

 ***---Chúc các con làm bài tốt!---***